

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST

Ngày: 22 - 7 - 2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang;

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ 18, khóm M, phường K, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Thị Tiên, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ 15, khóm M, phường K, thành phố C, tỉnh An Giang.

Ông T có mặt tại phiên tòa; bà Tiên vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Văn T trình bày: Do có mối quan hệ bà con xa nên vào ngày 17/4/2018 ông có cho bà Thị Tiên vay số tiền 13.000.000 đồng, không tính lãi suất, không viết biên nhận nợ, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng hoàn trả. Bà Tiên có trả cho ông 280.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà Tiên trả số tiền còn nợ 12.720.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Thị Tiền trình bày: Xác định vào ngày 17/4/2018 có vay của ông T số tiền 13.000.000 đồng, không lãi suất, có trả dần cho ông T được 280.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Hiện còn nợ lại số tiền 12.720.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn, còn nợ nhiều người nên xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, các đương sự không thống nhất cách thức thanh toán nên hòa giải không thành.

* Tại phiên tòa,

- Ý kiến của phía nguyên đơn: Ông T giữ nguyên yêu cầu bà Tiền trả số nợ còn lại 12.720.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất vay và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

* Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy: Thông qua mối quan hệ họ hàng nên khoảng năm 2018 ông Trần Văn T có cho bà Thị Tiền vay 13.000.000 đồng, không lãi suất, thỏa thuận sau 01 tháng bà Tiền sẽ trả lại cho ông. Sau đó, bà Tiền đã trả cho ông T được 280.000 đồng thì ngưng cho đến nay, mặc dù nhiều lần ông yêu cầu nhưng bà Tiền không thực hiện việc trả nợ. Bà Tiền thừa nhận còn nợ số tiền như ông T trình bày tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn không trả một lần cho ông được mà xin trả dần 200.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Việc thỏa thuận vay nợ giữa bà Tiền và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, do bà Tiền vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà Tiền trả số tiền còn nợ là 12.720.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với việc bà Tiền xin trả dần 200.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, phía ông T không đồng ý nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn. Bị đơn có nơi cư trú tại khóm M, phường K, thành phố C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn đồng xác định việc vay tài sản được xác lập vào ngày 17/4/2018. Đến ngày 09/6/2020, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Việc vắng mặt đương sự: Bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[4] Về vốn vay và tiền lãi:

- Về vốn vay: Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn lại 12.720.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn, hiện còn nợ lại số tiền vốn 12.720.000 đồng chưa thanh toán. Xét, hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về lãi suất: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn gốc còn lại, không yêu cầu tính lãi suất vay và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án là có lợi cho phía bị đơn, xét chấp nhận.

[5] Về phương thức thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ vốn còn lại một lần, bị đơn xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, yêu cầu của bị đơn không có căn cứ để xem xét.

[6] Về án phí:

- Bị đơn có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 636.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà Thị Tiền có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T số tiền 12.720.000 (*mười hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn*) đồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Thị Tiền phải chịu 636.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông T số tiền 325.000 (*ba trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0003830 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang (1);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc

